

Số: /KH-THCSNM

Thiện An, ngày tháng 8 năm 2021

**KẾ HOẠCH**  
**Kế hoạch giáo dục năm học 2021-2022**

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi bổ sung Điều 3 Thông tư 32/2010/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Căn cứ Chỉ thị số 800/CT-BGDĐT ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp năm học 2021-2022 của ngành Giáo dục;

Căn cứ Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021 – 2022;

Căn cứ Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04/12/2019 của Bộ GDĐT về việc ban hành danh mục các mô đun bồi dưỡng giáo viên cốt cán và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán để thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2019-2025;

Căn cứ Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND thị xã Buôn Hồ về việc Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND thị xã Buôn Hồ về việc Ban hành kế thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn thị xã Buôn Hồ giai đoạn 2019 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của UBND thị xã Buôn Hồ về Ban hành kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn thị xã Buôn Hồ;

Căn cứ Công văn số 183 /PGDDĐT-THCS ngày 15 tháng 7 năm 2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục THCS năm học 2021-2022;

Căn cứ Kế hoạch số 24a/KH-THCSNM ngày 27/10/2019 của trường THCS Ngô Mây về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2019 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 19a/KH-THCSNM ngày 23/12/2020 của trường THCS Ngô Mây về việc ban hành Kế hoạch xây dựng và phát triển trường THCS Ngô Mây giai đoạn 2020 – 2025;

Trường THCS Ngô Mây xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục nhà trường năm học 2021-2022 với các nội dung, yêu cầu cụ thể như sau:

## **I. BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2021 - 2022**

### **1. Bối cảnh bên ngoài**

#### **1.1. Thời cơ**

- Đảng và Nhà nước có chủ trương rõ ràng về việc chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GDĐT) thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo.

- Toàn thể các Bộ, Ban, Ngành đều hiểu được sự cần thiết phải thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông để thay đổi vận mệnh và sự phát triển của quốc gia. Các Bộ đã có những phối hợp để có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện các điều kiện như xây dựng cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị dạy học; chế độ tiền lương cho giáo viên, chế độ học sinh vùng khó khăn, người dân tộc.

- Chương trình (CT) giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường.

- Sự phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin (CNTT) 4.0 và sự tuyên truyền của các cấp và nhà trường nên xã hội và phụ huynh học sinh (PHHS) nắm bắt được những lộ trình và các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện đổi mới Chương trình GDPT 2018.

- Các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền rất quan tâm đến việc phát triển giáo dục tại địa phương.

- Chính quyền địa phương luôn quan tâm đến các hoạt động giáo dục của nhà trường. Đảm bảo an ninh trật tự trường học, giáo dục an toàn giao thông (ATGT), các hoạt động ngoại khóa - trải nghiệm...

#### **1.2. Nguy cơ, thách thức**

- Học sinh nhà trường chủ yếu là con em gia đình thuần nông, khoảng 30% có điều kiện kinh tế khó khăn, cha mẹ lo làm ăn xa nên không quan tâm và quản lý con em trong việc tự học, tự nghiên cứu bài ở nhà.

- Khoảng 50% phụ huynh chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc học tập của con em mình, còn khoán trắng cho nhà trường.

- Thiết bị dạy học của nhà trường chưa thực sự đủ đảm bảo phục vụ cho dạy học nhất là để đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6 năm học 2021 – 2022 theo danh mục đồ dùng dạy học tối thiểu ban hành theo Thông tư 44/2020/TT-BGDĐT.

- Tình hình dịch bệnh Covid- 19 diễn ra phức tạp và chưa có sự kiểm soát triệt để đối với Việt Nam nói chung và các quốc gia trên thế giới nói riêng.

- Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng hiện nay đã xuống cấp và chưa được tu sửa, cải tạo và bổ sung đáp ứng đủ điều kiện đề nghị UBND tỉnh kiểm tra công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

## **2. Bối cảnh bên trong**

### **2.1. Điểm mạnh**

- Nhà trường có đủ số phòng học đảm bảo mỗi lớp có 01 phòng học riêng, có 03 phòng học bộ môn; có phòng máy tính với 26 máy dành cho học sinh thực hành, có mạng internet và 9 Ti vi thông minh thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý và dạy học.

- Tổng số CBGVNV: 32; CBQLGD: 02; Giáo viên đứng lớp: 22; Giáo viên chuyên trách và Đội TNTPHCM: 02; Nhân viên: 06 ( 01 Kế toán; 01 Thủ quỹ; 01 Y tế; 01 Thư viên; 01 Thiết bị trường học; 01 Bảo vệ). Tỷ lệ giáo viên/lớp đảm bảo theo quy định ( 22/12 tỷ lệ 1.83 giáo viên/lớp, trừ giáo viên Tổng phụ trách đội và Chuyên trách PGGD – XMC). Cụ thể:

#### **+ Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên**

TT	Họ tên	Ngày sinh	Tuổi	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Đảng viên	T.độ chuyên môn nghiệp vụ	Môn dạy
1	Phạm Tuấn Anh	31/03/1980	41	Nam	Kinh	CBQL	x	ĐH	Vật lý
2	Phan Văn Phú	15/01/1986	35	Nam	Kinh	CBQL	x	ThS	Tin học
3	Trần Thị Mỹ Châu	29/09/1993	27	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Hóa học
4	Nguyễn Thị Chiến	06/09/1985	35	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Công nghệ
5	Vũ Thị Hà	26/08/1980	40	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	Ngữ văn
6	Vũ Thị Thu Hà	02/08/1975	46	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	Tiếng Anh
7	Đặng Thị Thu Hiền	07/04/1978	43	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Thể dục
8	Trần Thị Thu Hiệp	07/09/1983	37	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	GDCD

9	Ngô Thị Minh Huệ	05/09/1978	42	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Ngữ văn
10	Tô Thị Linh	02/11/1980	40	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Địa lý
11	Bùi Thị Kiều Loan	10/01/1985	36	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Nhạc
12	Võ Thị Mỹ Nhân	06/10/1975	45	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Toán
13	Nguyễn Ngọc Nhị	02/06/1963	58	Nam	Kinh	GV		ĐH	Toán
14	Phan Mỹ Phong	23/03/1973	48	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Toán
15	Lê Thị Sim	05/05/1988	33	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Mỹ thuật
16	Phan Thị Loan	22/12/1984	36	Nữ	Kinh	GV	x	CD	Thể dục
17	Phạm Thị Minh Tâm	29/12/1990	30	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	Toán
18	Ngô Thị Thu Huyền	15/12/1991	29	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	Vật lý
19	Nguyễn Trần Thiện	08/09/1965	55	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Ngữ văn
20	Nguyễn Đức Thịnh	31/10/1986	34	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Nhạc
21	Ng Thị Quỳnh Thoa	10/04/1969	52	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	Lịch sử
22	Nguyễn Thị Thuần	10/10/1981	39	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Địa lý
23	Lý Thị Thùy Trâm	09/11/1982	38	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	Hóa học
24	Trần Thị Vân	25/05/1983	38	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	Sinh học
25	Ng Thị Hồng Vân	10/10/1972	48	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	Tiếng Anh
26	Phan Quang Vĩ	10/05/1980	41	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Thể dục
27	Ng Thị Bích Diệp	21/10/1972	48	Nữ	Kinh	NV	x	ĐH	
28	Võ Thị Giới	02/05/1984	37	Nữ	Kinh	NV		TC	
29	H' Sinh Miô	29/12/1988	32	Nữ	Ê đê	NV		TC	
30	Phạm Thị Hồng Thắm	16/07/1988	33	Nữ	Kinh	NV		CD	
31	Phạm Thị Ngọc Yến	10/08/1979	42	Nữ	Kinh	NV	x	ĐH	
32	Bùi Văn Ninh	28/04/1976	45	Nam	Kinh	NV		SC	

### b. Về bộ môn và trình độ đào tạo giáo viên

<b>Tổng số</b>	<b>32</b>
<b>Nữ</b>	<b>24</b>
<b>Dân tộc</b>	<b>1</b>
<b>Nữ dân tộc</b>	<b>1</b>
<b>Đảng viên</b>	<b>17</b>
<b>Nữ Đảng viên</b>	<b>11</b>
<b>CBQL</b>	<b>2</b>
<b>Giáo viên</b>	<b>24</b>
<b>Nữ giáo viên</b>	<b>19</b>
<b>Nhân viên</b>	<b>6</b>
<b>Nữ nhân viên</b>	<b>5</b>

<b>Trình độ</b>	
Thạc sỹ	1
Đại học	26
Cao đẳng	1
Trung cấp	2
Sơ cấp	1
<b>Tổng</b>	<b>31</b>

<b>Trình độ nữ</b>	
Thạc sỹ	0
Đại học	21
Cao đẳng	0
Trung cấp	2
Sơ cấp	0
<b>Tổng</b>	<b>23</b>

<b>Theo môn</b>	
Toán	4
Lý	2
Hóa	2
Sinh	1
Sử	1
Địa	2
GDCD	1
Tin học	1
Mỹ thuật	1
Âm nhạc	2
Công nghệ	1
Thể dục	3
Ngữ văn	3
Tiếng Anh	2
<b>Tổng cộng</b>	<b>26</b>

- Có 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo (Đại học 96,2%, thạc sỹ 3,8%)

- Có 70% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp Thị xã trở lên, trong đó có 20% cấp tỉnh, có 1 giáo viên cốt cán được tham gia bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Cán bộ quản lý nhà trường công tác lâu năm có nhiều kinh nghiệm, biết tranh thủ sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp và tập hợp được các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng.

- Đa đa số học sinh ngoan hiền, lễ phép. Có khoản 85% học sinh có ý thức tốt trong học tập và rèn luyện.

## **2.2. Điểm yếu, hạn chế**

- Một số giáo viên chưa nắm vững lý luận dạy học đáp ứng năng lực, phẩm chất người học.

- Sân chơi bãi tập còn hẹp ảnh hưởng đến hoạt động vui chơi và luyện tập thể dục thể thao và phục vụ cho các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp.

- Tình hình dịch bệnh Covid- 19 diễn ra phức tạp và chưa có sự kiểm soát triệt để đối với Việt Nam nói chung và các quốc gia trên thế giới nói riêng.

- Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng hiện nay đã xuống cấp và chưa được tu sửa, cải tạo và bổ sung đáp ứng tiến tới xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2

- Kinh phí dành cho sự nghiệp giáo dục hàng năm được UBND thị xã giao còn hạn chế. Công tác xã hội hóa giáo dục trên địa bàn gặp nhiều khó khăn.

- Chương trình giáo dục phổ thông có một số nội dung chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường trong việc bố trí, sắp xếp và triển khai thực hiện có hiệu quả đối với giáo viên, học sinh.

- Sự quan tâm, đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học cho nhà trường diễn ra còn chậm và chưa được quan tâm xứng đáng.

## **3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường**

### **3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2021-2022**

Khối lớp	Số lớp, số học sinh				
	Số lớp	Số học sinh			
		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	Nữ dân tộc thiểu số
6	3	80	31	1	
7	3	107	50	3	2
8	3	94	45	2	

9	3	79	37	4	3
<b>Tổng</b>	12	360	163	10	5

### 3.2. Bố trí phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng

**Phòng học chính khóa:** Nhà trường bố trí đủ mỗi lớp 01 phòng, có trang bị Tivi thông minh và được kết nối mạng Internet.

<b>Phòng</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>Lớp</b>	9A1	9A2	9A3	8A1	8A2	8A3	7A1	7A2	7A3	6A1	6A2	6A3

**Phòng học bộ môn:** Phòng bộ môn Tin học được bố trí 26 máy, phòng Thực hành Công nghệ - KHTN, phòng Âm nhạc.

**Phòng chức năng:** Phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng Kế toán, phòng Văn thư, phòng Truyền thống-Đoàn-Đội, phòng Hội đồng.

### 3.3. Định hướng thực hiện chương trình dạy học:

**Khối lớp 6 (3 lớp):** Thực hiện CTGDPT năm 2018 (*Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018*) không thực hiện dạy học môn tự chọn. Tổ chức dạy học 6 buổi/tuần vào buổi sáng, buổi chiều tổ chức dạy các môn Thể dục, Tin học, Hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp và Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, dạy học tăng buổi đối với môn Toán, tiếng Anh, Ngữ văn mỗi môn thực hiện 2-4 tiết/tuần.

**Khối lớp 7, 8, 9 (9 lớp, mỗi khối 3 lớp):** Thực hiện Chương trình GDPT hiện hành (*Thông tư số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05/5/2006*). Tổ chức dạy học 6 buổi/tuần vào buổi sáng, buổi chiều tổ chức dạy các môn Thể dục, Tin học, Hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp và Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, dạy học tăng buổi đối với môn Toán, tiếng Anh, Ngữ văn mỗi môn 2-4 tiết/tuần.

**Phương thức tổ chức dạy học:** Chủ động dạy học lồng ghép giữa trực tuyến và trực tiếp. Ưu tiên hình thức trực tiếp trên lớp từ 80% trở lên khi được học tập tập trung, đẩy nhanh tiến độ dạy học hoàn thành nội dung chương trình.

\* **Đối với tổ chức dạy học online:** Vận hành và cung cấp tài khoản học tập online cho giáo viên, học sinh bằng phần mềm Microsoft Team, Zoom, K12 online,... Tỷ lệ dạy tiết dạy học online có thể linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và tình hình phòng chống dịch bệnh Covid – 19 để đảm bảo tiến độ hoàn thành chương trình theo Khung kế hoạch năm học ban hành kèm theo Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Việc triển khai dạy học trực tuyến được thực hiện theo Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 03 năm 2021 về việc Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên và các văn bản hướng dẫn của Sở, phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ về công tác tổ chức dạy học trực tuyến trong điều kiện dịch bệnh.

Căn cứ vào tình hình thực tế của việc phòng chống dịch bệnh Covid – 19 mà nhà trường sẽ tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học online phù hợp với việc dạy của giáo viên và học của học sinh một cách đồng bộ.

### **3.4. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:**

- Mỗi tuần thực hiện 01 tiết Chào cờ (*thứ Hai*) và 01 tiết sinh hoạt lớp (*thứ Bảy*) tổng cộng 70 tiết

- Số tiết còn lại 35 tiết nhà trường tổ chức dạy học trải nghiệm theo một số Chủ đề cho từng tuần, tháng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và được điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Một số chủ đề trải nghiệm, hướng nghiệp định hướng triển khai:

**Tháng 9:** Chủ đề “An toàn giao thông và phòng chống ma túy học đường. Hình thức tổ chức: Sân khấu hóa, phối hợp với công an phường Thiện An, Đội CSGT thị xã tổ chức tuyên truyền Luật Giao thông đường bộ ( 6 tiết)

**Tháng 10:** Chủ đề “Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20 – 10 và tuyên truyền công tác bình đẳng giới (6 tiết)

**Tháng 11:** Chủ đề “Tôn sư trọng đạo”. Hình thức tổ chức: Múa hát chúc mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 -11 ( 6 tiết)

**Tháng 01/2021:** Chủ đề “Ngày hội bánh chưng xanh”. Hình thức tổ chức: Học sinh trải nghiệm cách gói bánh chưng. Nghe nói chuyện về sự tích bánh dày bánh chưng (6 tiết)

**Tháng 3:** Tổ chức 01 buổi sinh hoạt Tiên bước lên đoàn chào mừng ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (5 tiết)

**Tháng 4:** Chủ đề “Ngày hội đọc sách”. Hình thức tổ chức: Thi kể cấp trường theo sách. (5 tiết)

- Tổ chức dạy học tích hợp: Đầu năm học nhà trường chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn xây dựng các chủ đề dạy tích hợp, chỉ đạo việc dạy học phân hóa phù hợp với đối tượng học sinh.

### **3.5. Định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh khối 6 ( 35 tiết)**

Tổ chức dạy học chương trình giáo dục địa phương 2 tiết/tuần (*tuần 19: 3 tiết/tuần*) vào học kỳ II năm học 2021 – 2022.

Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương.

Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu của tỉnh Đắk Lắk biên soạn đối với nội dung giáo dục địa phương..

Giáo viên giảng dạy: Căn cứ định mức tiết dạy và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng giáo viên để bố trí dạy học theo các chủ đề cho phù hợp với khả năng của giáo viên và học tập của học sinh.

Kiểm tra đánh giá: Theo quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG**

### **1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong cấp THCS học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

Đến năm 2021 trường THCS Ngô Mây đạt chuẩn kiểm định chất lượng ở mức 2, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1, xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp, chất lượng, cảnh quang trường học đẹp, xứng đáng thuộc top 5 những đơn vị về chất lượng giáo dục của cấp THCS thị xã Buôn Hồ.

Đẩy mạnh các nguồn lực, kinh phí đầu tư, trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho Chương trình GDPT 2018. Quan tâm thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT và Công văn số 1372/UBND-GDDT ngày 17/10/2018 của UBND thị xã Buôn Hồ về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT quy định về việc vận động, tiếp nhận các khoản tài trợ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn thị xã Buôn Hồ. Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và tiến tới công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Cụ thể:

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành các Mô đun BDTX trực tuyến trên hệ thống etep của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- 100% giáo viên được phân công giảng dạy lớp 6 được tham gia tập huấn các kiến thức cơ bản, nâng cao đối với các nội dung chương trình dạy học do các nhà xuất bản giáo dục, Sở, phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức;

100% cán bộ quản lý, giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên, chuyên môn nghiệp vụ năm học 2021- 2022 của nhà trường ban hành kèm theo Kế hoạch số 19/KH-THCSNM ngày 27/8/2021 của Hiệu trưởng trường THCS Ngô Mây.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

**- Đối với học sinh lớp 6 thực hiện CT GDPT 2018**

Số học sinh tuyển sinh đầu cấp: 80 học sinh



Số học sinh nữ: 31 học sinh      Dân tộc: 0 học sinh

Số lớp: 3 lớp

Số học sinh trên lớp: 27 học sinh/lớp

Số học sinh khuyết tật học hòa nhập: 03 học sinh

**Kết quả phân đầu đạt được năm học 2021 - 2022**

**+ Về phẩm chất**

Kết quả	Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
SL	80	0	80	0	70	10	80	0	70	10
%	100	0	100	0	87,7	12,5	100	0	87,7	12,5

**+ Về năng lực**

Kết quả	Tự chủ và tự học		Giáo tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo		Năng lực đặc thù													
							Ngôn ngữ		Toán học		Khoa học		Công nghệ		Tin học		Thẩm mỹ		Thể chất	
	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
SL	70	10	70	10	70	10	70	10	70	10	70	10	70	10	70	10	70	10	70	10
%	87,5	12,5	87,5	12,5	87,5	12,5	87,5	12,5	87,5	12,5	87,5	12,5	87,5	12,5	87,5	12,5	87,5	12,5	87,5	12,5

**- Đối với các lớp 7, 8, 9:**

- + Đảm bảo 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp, không có học sinh bỏ học giữa chừng.
- + Học sinh xếp loại về phẩm chất: Tốt 85%; Khá 15%; TB 00%.
- + Học sinh xếp loại về năng lực: Giỏi 15%; Khá 60%; TB 21,5%; Yếu + Kém 3,5%.
- + 100% học sinh lớp 9 TN THCS.
- + Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT đạt 90%, học nghề đạt 10%.
- + Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: huy động từ 100% trở lên học sinh tham gia và đạt kết quả khá, tốt.
- + Tổ chức được 4 hoạt động giáo dục kỹ năng sống/ năm học, đảm bảo 100% học sinh cần được hỗ trợ được nhà trường đáp ứng.
- + Tỷ lệ học sinh đạt học sinh giỏi cấp trường 25%, cấp thị xã 4 -7%, cấp tỉnh 1-3%

**- Các danh hiệu thi đua:**

+ Lao động tiên tiến: 32 người ( CBQL: 02; Giáo viên: 24; Nhân viên: 06)

+ Chiến sĩ thi đua cơ sở : 5 người

+ Nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc

+ Liên đội mạnh cấp Tỉnh

+ Đơn vị văn hóa cấp Thị xã

**III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG****1. Hoạt động chính khóa****1.1. Đối với khối lớp 6: 35 tuần****a. Số tiết tổng thể:**

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học	Ghi chú
Ngữ văn		140	4 tiết/tuần
Toán		140	4 tiết/tuần
Tiếng Anh		105	3 tiết/tuần
Giáo dục công dân		35	1 tiết/tuần
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	53	105 tiết
	Địa lý	52	
Chung		Ôn tập Kiểm tra chung giữa, cuối kỳ	
Khoa học tự nhiên	Hóa	28	140 tiết
	Lý	46	
	Sinh	53	
	Tổng hợp KHTN	13	
Công nghệ		35	Học kỳ 1
Tin học		35	Học kỳ I
Giáo dục thể chất		70	
Nghệ thuật	Âm nhạc	35	70 tiết
	Mĩ thuật	35	
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Chào cờ + SHL	70	105 tiết
	TN CĐ	35	
Giáo dục địa phương		35	2 tiết/tuần HK2
<b>Tổng số tiết bắt buộc/tuần</b>		<b>29 tiết/ tuần</b>	
<b>Tổng số tiết học/ năm</b>		<b>1015 tiết</b>	

## b. Phân chia định mức thực hiện

## Học kỳ I ( 18 tuần )

MÔN/TUẦN	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/ môn
Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tiếng Anh	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
	Địa lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Khoa học tự nhiên	Hóa	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Sinh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Công nghệ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	35
Tin học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	35
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN HN	CC+SHL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
	TN CD		6				6			6					6				24
GDDP																			
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần	29	35	29	29	29	35	29	29	29	35	29	29	29	29	35	29	29	27	544

Ghi chú: Trải nghiệm, hướng nghiệp: Thực hiện 6 tiết/chủ đề, học kỳ I tổ chức 4 chủ đề hướng nghiệp cho 24 tiết.

**Học kỳ II ( 17 tuần thực học)**

MÔN/TUẦN		Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/ môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Khoa học tự nhiên	THKHTN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1							12
	Lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	32
	Sinh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	24
Công nghệ		<b>Học kỳ I</b>																	
Tin học																			
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN HN	CC+SHL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
	TNCD								6					5					11
GDĐP		3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	35
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		28	27	27	27	27	27	27	33	27	27	28	28	32	27	27	27	25	471

Ghi chú: Trải nghiệm, hướng nghiệp học kỳ II thực hiện 2 chủ đề 11 tiết. Trong đó:: Chủ đề 5: 6 tiết và Chủ đề 6: 5 tiết

## 1.2 Đối với khối 7, 8, 9

### a) Định mức tiết dạy theo môn

TT	Môn	Số tiết thực hiện các môn của các khối lớp			
		Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Ghi chú
1	Toán	140	140	140	
2	Ngữ văn	140	140	175	
3	Vật lí	35	35	70	
4	Hóa học		70	70	
5	Sinh học	70	70	70	
6	Lịch sử	70	53	53	
7	Địa lí	70	53	53	
8	Tiếng Anh	105	105	105	
9	Công nghệ	53	53	35	
10	Tin học	70	70	70	
11	GDCD	35	35	35	
12	Thể dục	70	70	70	
13	Mĩ thuật	35	35	18	Dạy ở HK 1
14	Âm nhạc	35	35	18	Dạy ở HK 1
15	HĐNGLL	24 tiết/ năm			
16	Hướng nghiệp	0		1 tiết/tháng	
<b>Tổng cộng</b>		<b>952</b>	<b>988</b>	<b>1015</b>	

### b) Phân bố tiết cho từng học kỳ đối với môn học

STT	Môn	Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
		HKI	HKII	HKI	HKII	HKI	HKII
1	Toán	4	4	4	4	4	4
2	Vật lý	1	1	1	1	2	2
3	Hóa học			2	2	2	2
4	Sinh học	2	2	2	2	2	2
5	Ngữ văn	4	4	4	4	5	5
6	Lịch sử	2	2	2	1	1	2
7	Địa lý	2	2	1	2	2	1
8	Ngoại ngữ	3	3	3	3	2	2
9	GDCD	1	1	1	1	1	1
10	Công nghệ	2	1	2	1	1	1
11	Âm nhạc	1	1	1	1	1	0
12	Mỹ thuật	1	1	1	1	1	0
13	Tin học	2	2	2	2	2	2
14	Thể dục	2	2	2	2	2	2
15	HĐNGLL	2 tiết / tháng + 6 tiết = 24 tiết					
16	Hướng nghiệp	0			1 tiết/ tháng		

**c) Phân bổ số tiết dạy cho từng học kỳ đối với các môn**

STT	Môn	Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9			
		HKI	TS	HKII	TS	HKI	TS	HKII	TS	HKI	TS	HKII	TS
1	Toán	4	72	4	68	4	72	4	68	4	72	4	68
2	Vật lý	1	18	1	17	1	18	1	17	2	36	2	34
3	Hóa học					2	36	2	34	2	36	2	34
4	Sinh học	2	36	2	34	2	36	2	34	2	36	2	34
5	Ngữ văn	4	72	4	68	4	72	4	68	5	90	5	85
6	Lịch sử	2	36	2	34	2	36	1	17	1	18	2	34
7	Địa lý	2	36	2	34	1	18	2	34	2	36	1	17
8	Ngoại ngữ	3	54	3	51	3	54	3	51	2	36	2	34
9	GDCD	1	18	1	17	1	18	1	17	1	18	1	17
10	Công nghệ	2	36	1	17	2	36	1	17	1	18	1	17
11	Âm nhạc	1	18	1	17	1	18	1	17	1	18		
12	Mỹ thuật	1	18	1	17	1	18		17	1	18		
13	Tin học	2	36	2	34	2	36	2	34	2	36	2	34
14	Thể dục	2	36	2	34	2	36	2	34	2	36	2	34
15	HĐNGLL	2 Tiết / tháng + 6 tiết tháng 6,7,8 ( Trong hè)											
16	Hướng nghiệp	0										1 Tiết/ tháng	

**2. Hoạt động trải nghiệm**

**2.1. Đối với lớp 6: 105 tiết ( Trong đó: 70 tiết cho Chào cờ, SHL và 35 tiết dạy học theo Chủ đề )**

Thời gian (tháng)	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện (ngày)	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia	Số tiết thực hiện
u9	ATGT và phòng chống ma túy học đường	Tuyên truyền việc chấp hành đúng Luật GTĐB, cảnh giác đề phòng ma túy	Sân khấu hóa: Hoạt cảnh, kịch hoặc các hoạt động khác phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường để triển	Tuần 2 tháng 9	BGH, TPT	GVCN lớp 6, GV GDCD	6

			khai				
11	Trường em sạch đẹp, an toàn	Vệ sinh trường lớp, trông chăm sóc bồn hoa cây cảnh	Thu gom rác thải nhựa và tận dụng thành vật dụng; trồng hoa và chăm sóc	Tuần 3 tháng 11	BGH, TPT, GVCN	GV Sinh học, GV Hóa học	6
12	Uống nước nhớ nguồn	Tổ chức ngoại khóa về truyền thống QĐNDVN	Tập trung học sinh khối 6	Tuần 4 tháng 12	TPT, mời CT hội CCB phường	BGH, Đoàn TN, GVCN, HS	6
01	Ngày hội bánh chưng xanh	Học sinh trải nghiệm cách gói bánh chưng, nghe kể chuyện về sự tích bánh dày, bánh chưng	Tổ chức tại trường, HS làm theo hướng dẫn, GV kể chuyện HS nghe	Tuần 1 tháng 01	TPT, Đoàn TN, GVCN	BGH, GV toàn trường	6
4	Tiến bước lên đoàn	Tổ chức trò chơi	Tập trung học sinh khối 6	Tuần 3 tháng 3	TPT, Đoàn TN, GVCN	BGH, GV toàn trường	6
5	Ngày hội đọc sách	Thi kể cthị xã theo sách	Tổ chức thi giữa các lớp	Tuần 3 tháng 4	NV thư viện	GV toàn trường	5
<b>Tổng số tiết</b>							<b>35</b>

## 2.2. Đối với khối lớp 7, 8, 9

Tiếp tục áp dụng các chủ đề đối với Hoạt động ngoài giờ lên lớp ban hành kèm theo Kế hoạch số 27/KH-THCSNM ngày 17/9/2020 của trường THCS Ngô Mây về việc tổ chức oạt động NGLL năm học 2020 – 2021.

## 3. Các hoạt động giáo dục

### 3.1. Bồi dưỡng học sinh giỏi

Đầu năm nhà trường tổ chức thi chọn học sinh giỏi các khối lớp 8,9 cấp trường. Trên cơ sở đó thành lập đội tuyển tổ chức bồi dưỡng tham gia dự thi cấp Thị xã

Khối lớp 8, 9 ở gồm các bộ môn: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Tin học. Phân công giáo viên có năng lực, kinh nghiệm phụ trách công tác bồi dưỡng.



### **3.2. Phụ đạo học sinh yếu kém**

- Yêu cầu giáo viên lập danh sách đối với ba môn Toán, Tiếng anh, Ngữ văn trên cơ sở đó Phó hiệu trưởng phân công giáo viên có khả năng và kiên trì, nhiệt tình phụ trách phụ đạo và được tính trong việc tinh giảm tiết dạy

- Các môn khác có HS yếu sẽ phụ đạo ngay trong giờ dạy và bổ sung thêm một số buổi theo Kế hoạch phụ đạo của chuyên môn.

### **3.3. Dạy học tăng buổi và dạy học hai buổi trên ngày**

- **Đối với khối 6:** Thực hiện dạy học hai buổi/ngày cho 3/3 lớp và tăng tiết cho 3 môn tiếng Anh, Toán, Ngữ văn đảm bảo mỗi môn được tăng thêm từ 2-4 tiết/tuần vào Chiều thứ 2,4,5,6

Kinh phí thực hiện đối với việc dạy học tăng tiết: Thực hiện theo Công văn 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn dạy học 2 buổi/ngày đối với các trường trung học.

#### **- Đối với các khối lớp từ 7 – 9**

Thực hiện việc dạy học theo tăng tiết đối với một số bộ môn theo hướng dẫn về công tác dạy thêm – học thêm trong nhà trường đối với các bộ môn tiếng Anh, Toán, Vật lý, Ngữ văn.

### **3.4. Đối với công tác đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh**

- Triển khai đồng bộ cho tất cả các khối lớp theo các nội dung căn bản của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH và theo các yêu cầu của các bộ môn sau khi hoàn thành BDTX hè 2021 do trường Đại học sư phạm Đà Nẵng, Hà Nội; Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Chú trọng thực hiện đổi mới phương pháp sinh hoạt nhóm chuyên môn, tổ chuyên môn, Sinh hoạt chuyên đề của tổ, nhà trường theo hướng nghiên cứu bài học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc triển khai các nhiệm vụ dạy-học trong nhà trường. Áp dụng có hiệu quả việc số hóa Kế hoạch giảng dạy ( giáo án) của giáo viên theo Quyết định 07/QĐ-NM ngày 21/01/2021 của Hiệu trưởng trường THCS Ngô Mây về việc ban hành Quy chế công nhận, lưu trữ tài liệu được số hóa trong nhà trường từ năm học 2020 – 2021.

- Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại học sinh của giáo viên vào cuối mỗi học kỳ phải đảm bảo hướng dẫn theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 6 và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT; Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT với khối 7-9.

### **4. Hoạt động ngoại khóa**

- Tổ chức tìm hiểu về các ngày truyền thống của nhà trường, các ngày lễ dành cho thầy cô, cha mẹ.

- Triển khai có hiệu quả công tác tăng cường công tác quản lý, giáo dục chính trị, tư tưởng đối với Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trên môi trường mạng năm 2021 và định hướng đến năm 2025 ban hành kèm theo Kế hoạch số 10/KH-THCSNM ngày 24/3/2021 của Hiệu trưởng trường THCS Ngô Mây.

- Các chương trình trải nghiệm, nói chuyện chuyên đề, giáo lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.

- Tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm thực tế tại nơi có ý nghĩa như nhà lưu niệm đèo Hà Lan, nhà tưởng niệm anh hùng liệt sĩ, giao lưu với đơn vị trường khác trên địa bàn thị xã.

- Cho học sinh trải nghiệm về vệ sinh môi trường, sử dụng nhà vệ sinh đúng cách và cải tạo, tái chế rác thải bảo vệ môi trường.

## **5. Đối với mô hình các Câu lạc bộ**

### **5.1. Câu lạc bộ Tiếng Anh. ( 4 tiết/tháng)**

- Mỗi tháng tổ chức cho học sinh sinh hoạt 01 lần.

- Nội dung, hình thức do nhóm bộ môn Tiếng Anh tham mưu.

### **5.2. Câu lạc bộ thể thao.**

- Tổ chức câu lạc bộ bóng đá.

+ Hình thức tổ chức: Học sinh luyện tập vào chiều thứ Tư và thứ Sáu hằng tuần.

+ Tổ chức đá giao hữu giữa các lớp.

+ Tổ chức giải bóng đá học sinh vào tháng 3/2022.

### **5.3. Câu lạc bộ bạn gái và bình đẳng giới**

- Mỗi tháng tổ chức cho học sinh sinh hoạt 01 lần.

- Nội dung, hình thức do Đoàn thanh niên nhà trường, giáo viên Sinh học tham mưu thực hiện.

### **5.3. Câu lạc bộ STEM và KHKT**

- Mỗi tháng tổ chức cho học sinh sinh hoạt 01 lần ( 4 tiết/tháng)

- Nội dung, hình thức thực hiện: Thực hiện theo Kế hoạch 45/KH-SGDĐT ngày 03/8/2021; Công văn số 1110/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 30/7/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ quan đoàn thể có liên quan của Hội liên hiệp Khoa học kỹ thuật tỉnh Đắk Lắk và các văn bản hướng dẫn của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã.

- Yêu cầu: Có 1- 2 sản phẩm tham gia Ý tưởng KHKT và Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp Thị xã và 01 sản phẩm cấp Tỉnh

- Bộ phận thực hiện: Giao Đội TNTP, giáo viên KHTN, Công nghệ phối hợp xây dựng kế hoạch thực hiện

Đối với các câu lạc bộ khác tùy thuộc vào điều kiện, yêu cầu thực hiện của nhà trường để ban hành các quyết định thành lập và xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động cụ thể nếu có.

## 6. Đối với hoạt động đổi mới kiểm tra, đánh giá

- Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá chú trọng phẩm chất và năng lực của học sinh

- Đảm bảo việc kiểm tra đánh giá theo đúng quy định ban hành kèm theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 6; Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT; Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT với khối 7-9. Trong đó chú trọng định mức số con điểm tối đa theo quy định.

Thời gian kiểm tra, đánh giá giữa, cuối học kỳ theo khung thời gian kế hoạch năm học tại Mục IV của Kế hoạch này.

Trong đó:

### + Đối với khối lớp 6:

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học	Số điểm tối đa của một học/ học kỳ			Tổng số con điểm
			Đánh giá thường xuyên	Giữa học kỳ	Cuối học kỳ	
Ngữ văn		140	4	1	1	6
Toán		140	4	1	1	6
Tiếng Anh		105	4	1	1	6
Giáo dục công dân		35	2	1	1	4
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	105	4	1	1	6
	Địa lý					
Khoa học tự nhiên	Hóa	140	4	1	1	6
	Lý					
	Sinh					
	Tổng hợp KHTN					
Công nghệ		35	2	1	1	4
Tin học		35	2	1	1	4
Giáo dục thể chất		70	3	1	1	5
Nghệ	Âm nhạc	35	3	1	1	5

thuật	Mĩ thuật	35				
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Chào cờ + SHL	70	4	1	1	6
	TN CD	35				
Giáo dục địa phương		35	2	1	1	4

**Lưu ý:** Đối với các bộ môn Tổ hợp việc kiểm tra đánh giá thường xuyên của môn nào do môn đó đảm nhiệm (Ví dụ: KHTN: 4 điểm đánh giá thường xuyên được chia như sau: Sinh học: 02 con điểm, Hóa: 01 con điểm; lý 01 con điểm). Kiểm tra định kỳ theo tỷ lệ kiến thức của các bộ môn phù hợp với thực tiễn của nhà trường và học sinh

- Đối với các bộ môn: Thể dục, Nghệ thuật, Hoạt động trải nghiệm, Giáo dục địa phương được đánh giá bằng nhận xét: Đạt hoặc Chưa đạt

- Đối với các bộ môn còn lại: Kết hợp giữa điểm số và nhận xét.

**+ Đối với các khối 7, 8, 9**

TT	Môn	Số tiết và số con điểm tối đa/học kỳ							Ghi chú
		Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Thường xuyên	Giữa kỳ	Cuối kỳ	Tổng	
1	Toán	140	140	140	4	1	1	6	
2	Ngữ văn	140	140	175	4	1	1	6	
3	Vật lí	35	35	70	2	1	1	4	Khối 9: 3 TX:1GK:1CK
4	Hóa học		70	70	3	1	1	5	
5	Sinh học	70	70	70	3	1	1	5	
6	Lịch sử	70	53	53	3	1	1	5	
7	Địa lí	70	53	53	3	1	1	5	
8	Tiếng Anh	105	105	105	4	1	1	6	
9	Công nghệ	53	53	35	3	1	1	5	Khối 9: 2TX:1GK:1CK
10	Tin học	70	70	70	3	1	1	5	
11	GDCD	35	35	35	2	1	1	4	
12	Thể dục	70	70	70	3	1	1	5	Nhận xét
13	Mĩ thuật	35	35	17	2	1	1	4	Nhận xét
14	Âm nhạc	35	35	18	2	1	1	4	Nhận xét

**+ Đối với thời lượng các tiết kiểm tra, đánh giá:**

- **Đối với lớp 6:** Căn cứ quy định theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Cụ thể:**

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học	Thời lượng kiểm tra	Ghi chú
Ngữ văn		140	90 phút	
Toán		140	90 phút	
Tiếng Anh		105	90 phút	
Giáo dục công dân		35	45 phút	
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	105	90 phút	
	Địa lý			
Khoa học tự nhiên	Hóa	140	90 phút	
	Lý			
	Sinh			
	Tổng hợp KHTN			
Công nghệ		35	45 phút	
Tin học		35	45 phút	
Giáo dục thể chất		70	45 phút	
Nghệ thuật	Âm nhạc	35	45 phút	
	Mĩ thuật	35	45 phút	
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Chào cờ + SHL	70	45 phút	Trừ CC; SHL
	TN CD	35		
Giáo dục địa phương		35	45 phút	

- **Đối với các khối còn lại:** Áp dụng theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 27/8/2020 và các văn bản chỉ đạo của phòng Giáo dục và Đào tạo

TT	Môn	Thời lượng	Ghi chú
1	Toán	90 phút	
2	Ngữ văn	90 phút	
3	Vật lí	45 phút	
4	Hóa học	45 phút	
5	Sinh học	45 phút	
6	Lịch sử	45 phút	
7	Địa lí	45 phút	
8	Tiếng Anh	45 phút	
9	Công nghệ	45 phút	
10	Tin học	45 phút	
11	GDCD	45 phút	

12	Thử dục	45 phút	
13	Mĩ thuật	45 phút	
14	Âm nhạc	45 phút	

#### IV. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP CỦA NĂM HỌC 2021-2022

##### 1. Khung kế hoạch thời gian năm học.

- Ngày tựu trường: 01/9/2021.
- Ngày khai giảng: 05/9/2021.
- Học kỳ 1: Từ 06/9/2021 đến 08/01/2022.
  - Kiểm tra giữa kỳ 1: từ 01/11/2021 đến 13/11/2021.
  - Kiểm tra cuối kỳ 1: từ 03/01/2022 đến 08/01/2022.
- Học kỳ 2: Từ 10/01/2022 đến 14/5/2022.
  - Nghỉ tết Âm lịch: từ 29/01/2022 đến 06/02/2022
  - Kiểm tra giữa kỳ 2: từ 14/3/2022 đến 18/3/2022
  - Kiểm tra cuối kỳ 2: từ 02/5/2022 đến 17/5/2022
  - Kết thúc học kỳ 2: 21/5/2022
  - Xét tốt nghiệp THCS trước ngày 31/6/2022
- Kết thúc năm học: 31/5/2022

##### 2. Lịch công tác chuyên môn

Thời gian	Nội dung công tác
8/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự các lớp học chính trị, chuyên môn nghiệp vụ hè 2021.</li> <li>- Ổn định nhân sự, phân công chuyên môn chuẩn bị năm học.</li> <li>- Tổ chức Ôn tập, thi lại trong hè và biên chế lớp</li> </ul>
9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai giảng năm học mới.</li> <li>- Xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm học của Trường đối với năm học 2021- 2022</li> <li>- Triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện dạy học trong điều kiện dịch bệnh và dạy học trực tuyến.</li> <li>- Duyệt kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn</li> <li>- Phê duyệt kế hoạch BDTX giáo viên</li> <li>- Tham gia họp tổng kết bộ môn.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập danh sách HS học nghề lớp 8.</li> <li>- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp</li> <li>- Phê duyệt kế hoạch hoạt động của các câu lạc bộ</li> </ul>
<b>10/2021</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai kế hoạch bồi dưỡng 9, phụ đạo HS yếu kém, dạy học 2 buổi/ngày đối với ba bộ môn Ngữ văn, tiếng Anh, Toán</li> <li>- Đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học theo Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH</li> <li>- Chuẩn bị cho việc dự thi KHKT cấp thị xã theo Công văn 1110/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 30/7/2021</li> <li>- Chuẩn bị tham gia HKPD cấp thị xã.</li> <li>- Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch của nhà trường</li> </ul>
<b>11/2021</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng đại trà, nâng cao hiệu quả phong trào mũi nhọn.</li> <li>- Công tác đổi mới phương pháp dạy học.</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ 1, phân tích chất lượng giữa học kỳ 1</li> <li>- Trải nghiệm sáng tạo: Tiết học ngoài nhà trường, ngoài không gian lớp học</li> <li>- Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.</li> <li>- Kiểm tra cuối học kỳ 1 theo thời gian Mục IV</li> </ul>
<b>12/2021</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì nề nếp dạy-học.</li> <li>- Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.</li> <li>- Kiểm tra tiến độ thực hiện chương trình giảng dạy bộ môn</li> <li>- Tham gia chuyên đề chuyên môn cấp Thị xã.</li> <li>- Tổ chức ôn tập kiểm tra cuối HKI</li> <li>- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Chủ đề tìm hiểu Quân đội nhân dân Việt Nam 22 -12</li> </ul>
<b>01/2022</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục triển khai công tác phụ đạo, bồi dưỡng thi HSG lớp 9</li> <li>- Xét chọn GVCN giỏi cấp trường theo Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT</li> <li>- Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.</li> <li>- Tổ chức kiểm tra và chấm bài kiểm tra cuối kỳ 1, đánh giá, phân tích chất lượng học sinh cuối kỳ 1</li> <li>- Kết thúc học kỳ 1: 08/01/2022; ngày nghỉ cuối học kỳ 1: 09/01/2022</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành học bạ học kì I, sơ kết công tác chuyên môn học kì I</li> <li>- Phân công chuyên môn, TKB học kì II</li> <li>- Hoàn thành CSDL trên hệ thống ngành Giáo dục và Đào tạo</li> <li>- Bắt đầu học kỳ 2: 10/01/2022.</li> </ul>
<b>02/2022</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục triển khai công tác phụ đạo học sinh yếu kém</li> <li>- Các tổ chuyên môn triển khai các chuyên đề dạy học</li> <li>- Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.</li> </ul>
<b>3/2022</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.</li> <li>- Kiểm tra đánh giá giữa kì II</li> <li>- Phối hợp Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên tổ chức tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh THCS.</li> <li>- Tổ chức Hội thi đồ vui để học và các hoạt động TDTT khác mừng ngày sinh nhật Đoàn 26/3</li> <li>- Tiếp tục bồi dưỡng học sinh giỏi các khối lớp 9 thi học sinh giỏi cấp Thị xã</li> <li>- Tiếp tục phụ đạo học sinh yếu 6, 7, 8, 9</li> <li>- Các tổ chuyên môn triển khai các chuyên đề dạy học, thực hiện giáo dục STEM,....</li> <li>- Tổ chức hoạt động trải nghiệm: Tổ chức Các trò chơi dân gian, Thi tiếng hát đội viên</li> </ul>
<b>4/2022</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia thi chọn học sinh giỏi lớp 8 cấp thị xã <i>(nếu có)</i>.</li> <li>- Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch</li> <li>- Tổ chức hoạt động trải nghiệm: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu chiến thắng 30/4 (giải phóng hoàn toàn miền nam thống nhất đất nước)</li> <li>- Tiếp tục phụ đạo học sinh yếu, tăng buổi theo TKB</li> <li>- Kiểm tra việc dạy thêm, học thêm của giáo viên</li> </ul>
<b>5/2022</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát việc thực hiện chương trình đảm bảo đúng tiến độ</li> <li>- Tổ chức ôn tập và Kiểm tra cuối kì II</li> <li>- Hoàn thành đánh giá xếp loại học sinh và vào sổ điểm kịp thời</li> <li>- Tổng kết công tác chuyên môn năm học, hoàn thành các báo cáo và biểu mẫu thống kê chuyên môn nộp về phòng GD và ĐT</li> <li>- Kiểm tra hồ sơ, giáo án giáo viên và các tổ chuyên môn.</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày kết thúc HK2: ngày 14/5/2022.</li> <li>- Xét công nhận tốt nghiệp THCS: 19, 20/5/2022</li> <li>- Ngày tổng kết năm học: 27/5/2022.</li> <li>- Bàn giao học sinh về sinh hoạt hè ở địa phương.</li> </ul>
--	--

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Trách nhiệm các thành viên.

#### 1.1. Đối với Hiệu trưởng.

- Ban hành quyết định thành lập các tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn.

- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong năm học: GVCN, công tác giảng dạy, công tác kiêm nhiệm...

- Xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục trong nhà trường, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

- Liên hệ với các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ.

- Tổ chức các hoạt động, hội thi, hội giảng trong năm.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

#### 1.2. Đối với Phó hiệu trưởng.

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém và các hoạt động khác có liên quan đến công tác triển khai thực hiện giáo dục học sinh.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường trung học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động có liên quan đến chuyên môn.

- Phân công chuyên môn đảm bảo đối với giáo viên đủ định mức 665 tiết/năm học.

#### 1.3. Tổ trưởng chuyên môn

- Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn.

- Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp liên môn, kế hoạch dạy học trải nghiệm.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng. Chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá. Tập trung vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học theo Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH.

#### **1.4. Đối với Tổng phụ trách Đội**

- Tham mưu Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Xây dựng kế hoạch chào cờ đầu tuần, tham mưu hiệu trưởng về việc phân công các thành viên chuẩn bị nội dung chào cờ.

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp quy mô toàn trường.

- Quản lý nề nếp, quản lý đội cờ đỏ nhà trường.

- Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh

#### **1.5. Đối với nhân viên thư viện, nhân viên thiết bị**

- Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo Chương trình GDPT.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị đáp ứng cho hoạt động dạy – học.

- Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học.

- Tham mưu tổ chức ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách; tham mưu hội thi làm đồ dùng dạy học.

#### **1.6. Đối với giáo viên**

- Nghiên cứu kỹ, nắm bắt Chương trình GDPT 2018 (đối với khối lớp 6), chương trình giáo dục hiện hành (đối với khối 7, 8, 9) và xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn theo đúng các văn bản quy định hiện hành phù hợp với điều kiện dạy và học của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học (Giáo viên phải xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học)

- Phối hợp với nhà trường, liên đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

- Đảm bảo định mức 665 tiết/năm theo quy định

**Bảng chia định mức tiết dạy giáo viên giảng dạy năm học 2021 – 2022 để làm căn cứ phân công chuyên môn**

TT	Giáo viên	Số tiết/năm	Số tiết miễn giảm/tuần	Tổng số tiết kiêm nhiệm cả năm	Số tiết thực dạy học kỳ 1	Số tiết thực dạy học kỳ 2	Tổng cộng tiết thực dạy	Thừa (+) Thiếu (-)
1	Phạm Tuấn Anh	665	17	595	36	34	70	
2	Phan Văn Phú	665	15	525	72	68	140	
3	Võ Thị Mỹ Nhân	665	3	105	288	272	560	
4	Nguyễn Ngọc Nhị	665		0	288	272	560	-105
5	Phan Mỹ Phong	665	3	105	288	272	560	
6	Phạm Thị Minh Tâm	665		0	360	238	598	- 67
7	Ng Thị Thu Huyền	665	5	175	216	272	488	-2
8	Trần Thị Vân	665	5	175	216	204	420	-70
9	Lý Thị Thùy Trâm	665	5	175	192	141	333	-157
10	Trần Thị Mỹ Châu	665	5	175	216	204	420	-70
11	Đặng Thị Thu Hiền	665	5	175	216	204	420	-70
12	Phan Quang Vĩ	665	13	455	108	102	210	
13	Ng Thị Quỳnh Thoa	665	3	105	270	255	525	-35
14	Vũ Thị Hà	665	3	105	306	289	595	+35
15	Nguyễn Trần Thiện	665		0	306	289	595	-70
16	Ngô Thị Minh Huế	665		0	306	289	595	-70
17	Vũ Thị Thu Hà	665	3	105	270	255	525	-35
18	Ng Thị Hồng Vân	665		0	324	306	630	-35
19	Tô Thị Linh	665	5	175	234	238	472	-18
20	Nguyễn Thị Thuần	665	5	175	270	204	474	-16
21	Trần Thị Thu Hiệp	665	5	175	216	153	369	-121
22	Bùi Thị Kiều Loan	665	5	175	162	136	298	-192
23	Nguyễn Thị Chiến	665	5	175	216	153	369	-121
24	Lê Thị Sim	665		0	162	204	366	-299
25	Nguyễn Đức Thịnh	665	2	70	36	34	70	-525
26	Phan Thị Loan	665	5	175	216	204	420	- 70

**Bảng phân công giảng dạy lớp 6 theo Chương trình GDPT 2018**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Phân công dạy
1	Võ Thị Mỹ Nhân	GV	Toán	6a3
2	Phan Mỹ Phong	GV	Toán - Tin	6a1, 6a2
3	Phạm Thị Minh Tâm	GV	Toán - Tin	Tin học
4	Nguyễn Thị Thu Huyền	GV	Lý	Lý (KHTN)
5	Trần Thị Vân	GV	Sinh	Sinh (KHTN)

6	Lý Thị Thùy Trâm	GV	Hóa	Hóa + KHTN
7	Vũ Thị Hà	GV	Văn	Ngữ văn
8	Nguyễn Thị Hồng Vân	GV	Anh	Tiếng anh
9	Tô Thị Linh	GV	Địa	Địa (LS+ĐL)
10	Nguyễn Thị Thuần	GV	Sử - Địa	Lịch sử
11	Trần Thị Thu Hiệp	GV	GDCD	GDCD
12	Bùi Thị Kiều Loan	GV	Nhạc	Nhạc (NT)
13	Nguyễn Thị Chiến	GV	Công nghệ	Công nghệ
14	Lê Thị Sim	GV	Mĩ thuật	Mĩ thuật (NT)
15	Phan Thị Loan	GV	GDTC	GDTC

**Lưu ý:** Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được phân bổ cho giáo viên làm công tác chủ nhiệm và giáo viên thiếu tiết thực hiện theo các Chuyên đề nêu trên. Riêng ba đồng chí giáo viên được phân công dự kiến chủ nhiệm lớp 6 năm học 2021 – 2022. Trong đó các đồng chí giáo viên chủ nhiệm khối lớp 6 sẽ đảm bảo đủ định mức 105 tiết/năm. Đồng thời tùy thuộc vào mỗi chủ đề trải nghiệm, hướng nghiệp sẽ được bố trí, sắp xếp, điều động tham gia hoạt động chung và được tính 3 tiết/buổi.

- Đối với bộ môn GDĐP: Căn cứ vào nội dung chương trình do UBND tỉnh biên soạn sẽ bố trí cho giáo viên giảng dạy phù hợp với nội dung và được bố trí vào học kỳ II với 2 tiết/tuần, riêng tuần 19 sẽ bố trí 3 tiết/tuần đảm bảo 35 tiết/năm học theo quy định.

#### **Bảng phân công giảng dạy lớp 7, 8, 9 theo chương trình hiện hành**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Phân công dạy
1	Phạm Tuấn Anh	Hiệu trưởng	Lý	<i>Căn cứ Bảng phân công chuyên môn đính kèm Kế hoạch</i>
2	Phan Văn Phú	Phó hiệu trưởng	Tin	
3	Võ Thị Mỹ Nhân	GV	Toán	
4	Nguyễn Ngọc Nhị	GV	Toán	
5	Phan Mỹ Phong	GV	Toán - Tin	
6	Phạm Thị Minh Tâm	GV	Toán	
7	Nguyễn Thị Thu Huyền	GV	Lý	
8	Trần Thị Vân	GV	Sinh	
9	Lý Thị Thùy Trâm	GV	Hóa	
10	Trần Thị Mỹ Châu	GV	Hóa	
11	Đặng Thị Thu Hiền	GV	GDTC	
12	Phan Quang Vĩ	GV	GDTC	
13	Nguyễn Thị Quỳnh Thoa	GV	Sử	
14	Vũ Thị Hà	GV	Văn	
15	Nguyễn Trần Thiệu	GV	Văn	
16	Ngô Thị Minh Huệ	GV	Văn	

17	Vũ Thị Thu Hà	GV	Anh
18	Nguyễn Thị Hồng Vân	GV	Anh
19	Tô Thị Linh	GV	Địa
20	Nguyễn Thị Thuần	GV	Địa
21	Trần Thị Thu Hiệp	GV	GDCD
22	Bùi Thị Kiều Loan	GV	Nhạc
23	Nguyễn Thị Chiến	GV	Công nghệ
24	Lê Thị Sim	GV	Mĩ thuật
25	Nguyễn Đức Thịnh	GV	Nhạc
26	Phan Thị Loan	GV	GDTC

**Lưu ý:** Sau khi cân đối định mức tiết dạy đối với các bộ môn, những trường hợp giáo viên thiếu tiết so với quy định sẽ tham gia thực hiện theo các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và xem kiểm tra đánh giá tập trung.

## **2. Công tác phối hợp với các bên liên quan**

- Nhà trường chủ động tham mưu chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

## **3. Công tác kiểm tra, giám sát.**

- Việc giám sát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học kết hợp với hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng Trường THCS.

- Hiệu trưởng thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục thường xuyên hàng ngày, hàng tuần thông qua kiểm tra sổ đầu bài, dự giờ thăm lớp, hồ sơ chuyên môn của giáo viên, qua học sinh, cha mẹ học sinh...

- Làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, các thành viên trong ban kiểm tra nội bộ cần làm tốt nhiệm vụ.

- Mỗi giáo viên cần có thói quen tự kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của mình để có điều chỉnh và phản ánh kịp thời với tổ chuyên môn, ban giám hiệu.

## **4. Chế độ thông tin báo cáo**

- Tổ trưởng chuyên môn định kỳ báo cáo hiệu trưởng về tình hình của tổ, có các ý kiến tham mưu đề xuất kịp thời về các công việc có liên quan đến thực hiện đổi mới hoạt động dạy học trong nhà trường.

- Định kỳ báo cáo theo tuần, tháng, học kỳ để Hiệu trưởng tổng hợp báo cáo cấp trên kịp thời.

Trên đây là kế hoạch giáo dục của trường THCS Ngô Mây năm học 2021-2022. Lãnh đạo nhà trường yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên cụ thể hóa bằng kế hoạch cá nhân và nghiêm túc thực hiện kế hoạch này.

Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi để phù hợp với thực tiễn và các văn bản chỉ đạo có hiệu lực liên quan sẽ được bổ sung bằng văn bản và công bố rộng rãi đến các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh toàn trường được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Phòng GDĐT thị xã;
- UBND phường Thiện An;
- CBGVNV nhà trường;
- Ban đại diện CMHS;
- Zalo Official Account;
- Website trường;
- Lưu: VT, Cmon\_2b.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Tuấn Anh**